

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tô Văn Tông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 453/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Tiểu D**, sinh năm xxxx

Đăng ký thường trú: Ấp xx, thị trấn B, huyện C, tỉnh H2.

Địa chỉ liên hệ: Số xxx đường P, phường An H1, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G (Văn bản ủy quyền ngày 22-02-2022). (có mặt).

Địa chỉ: Số xxx đường H3, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm xxxx
Ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm xxx
Cùng địa chỉ: Số xxx đường T1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2 (Văn bản ủy quyền ngày 17-6-2022). (có mặt).
Địa chỉ: Số xxxx đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22-02-2022 và trong quá trình xét xử đại Dện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05-10-2021, ông Huỳnh Văn H1 và bà Nguyễn Thị H có mượn của ông Đặng Tiểu D số tiền 462.000.000 đồng thông qua biên nhận mượn tiền. Thời hạn mượn tiền từ ngày 05-10-2021 đến hết ngày 31-01-2022 (thỏa thuận miệng). Giấy biên nhận mượn tiền do ông Huỳnh Văn H1 tự tay viết và hai vợ chồng ông H1, bà H đã cùng ký tên trong giấy biên nhận mượn tiền đó. Tuy nhiên, đến ngày trả tiền theo thỏa thuận, bà H và ông H1 đã không hoàn trả số tiền đã mượn. Mặc dù ông D đã nhiều lần liên hệ nhưng bà H, ông H1 cố tình né tránh nghĩa vụ thanh toán số tiền đã mượn nên ông D khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà H trả lại số tiền nợ gốc 462.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01-02-2022 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm.

** Tại bản tự khai ngày 05-9-2022 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Nguyên vào ngày 23-6-2021, ông H1 và bà H có mượn của ông Đặng Tiểu D số tiền 50.000.000 đồng, đóng tiền lãi hàng ngày, mỗi ngày 500.000 đồng = 30%/tháng, đóng lãi từ ngày 23-6-2021 đến ngày 13-8-2021 tổng số tiền lãi là 51 ngày x 500.000 đồng = 25.500.000 đồng.

Ngày 23-6-2021, ông H1 và bà H mượn thêm của ông D 250.000.000 đồng, đóng lãi hàng ngày, mỗi ngày 2.500.000 đồng, đóng từ ngày 23-6-2021 đến ngày 13-8-2021, số tiền lãi là 51 ngày x 2.500.000 đồng = 127.500.000 đồng.

Đến ngày 29-6-2021, ông H1 và bà H có mượn thêm của ông D số tiền 20.000.000 đồng, đóng tiền lãi hàng ngày, mỗi ngày 200.000 đồng = 30%/tháng, đóng lãi từ ngày 29-6-2021 đến ngày 13-8-2021, số tiền lãi là 45 ngày x 200.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Ngày 08-7-2021, ông H1 và bà H mượn thêm ông D số tiền 30.000.000 đồng, đóng tiền lãi hàng ngày, mỗi ngày 300.000 đồng = 30%/tháng, đóng lãi từ ngày 29-6-2021 đến ngày 13-8-2021, số tiền lãi là 38 ngày x 300.000 đồng =

11.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông H1 và bà H đã đóng cho ông D là 173.400.000 đồng.

Nếu tính theo lãi suất cơ bản của ngân hàng cho vay là 1%/tháng thì tổng cộng $350.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 6 \text{ tháng} = 21.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi là $350.000.000 \text{ đồng} + 21.000.000 \text{ đồng} = 371.000.000 \text{ đồng}$, ông H1 và bà H đã trả được tiền lãi 173.400.000 đồng, như vậy ông H1 và bà H còn phải trả thêm cho ông D số tiền $371.000.000 \text{ đồng} - 173.400.000 \text{ đồng} = 197.600.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn không thừa nhận cho bị đơn vay tiền và nhận tiền lãi theo 04 giấy mượn tiền bị đơn cung cấp tại tòa. Mặc dù trước đó nguyên đơn cho bị đơn vay tiền rất nhiều lần nhưng các lần đó bị đơn đã trả xong, riêng số tiền mượn ngày 05-10-2021 bị đơn chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 462.000.000 đồng theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 05-10-2021, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm thanh toán, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

** Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Nguyên đơn cho vợ chồng bị đơn vay tiền rất nhiều lần, tổng số tiền 04 lần bị đơn vay 350.000.000 đồng, trả tiền lãi 1%/ngày trên số tiền mượn, do bị đơn gặp khó khăn nên chỉ đóng tiền lãi đến ngày 13-8-2021 thì ngưng, tổng số tiền lãi bị đơn đã đóng 173.400.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện số tiền 462.000.000 đồng theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 05-10-2021 là bao gồm nợ gốc 350.000.000 đồng cộng tiền lãi 112.000.000 đồng. Bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 04 biên nhận thể hiện toàn bộ quá trình bị đơn mượn tiền của nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn không thừa nhận nhưng các chứng cứ bị đơn cung cấp là sự thật, mong Hội đồng xét xử xem xét. Bị đơn đồng ý trả tiền cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định sau khi đã trừ lại số tiền bị đơn đã đóng lãi vượt quá quy định pháp luật.

Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số

tiền 462.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tính lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 22-02-2022, thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn mượn số tiền 462.000.000 đồng; do phía bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mượn, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1]. *Đối với yêu cầu trả nợ gốc:*

Căn cứ vào giấy biên nhận mượn tiền ngày 05-10-2021 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền. Theo giấy biên nhận mượn tiền này thể hiện ngày 05-10-2021 bị đơn mượn nguyên đơn số tiền 462.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Do bị đơn không trả tiền mượn nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền đã mượn 462.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bị đơn cho rằng số tiền nguyên đơn khởi kiện 462.000.000 đồng là bao gồm nợ gốc 350.000.000 đồng cộng tiền lãi 112.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 04 giấy mượn tiền (bản gốc) để chứng minh số tiền bị đơn mượn của nguyên đơn và tiền lãi bị đơn đóng hàng ngày cho nguyên đơn, cụ thể: giấy mượn tiền ngày 23-6-2021 số tiền mượn 50.000.000 đồng; giấy biên nhận mượn tiền ngày 23-6-2021 số tiền mượn 250.000.000 đồng; giấy mượn tiền ngày 29-6-2021 số tiền mượn 20.000.000 đồng; giấy mượn tiền ngày 08-7-2021 số tiền mượn 30.000.000 đồng. Do đó, bị đơn chỉ đồng ý trả tiền cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định sau khi đã trừ lại số tiền bị đơn đã đóng lãi vượt quá mức lãi suất quy định.

Hội đồng xét xử cũng đã cho nguyên đơn tiếp cận các chứng cứ này, phía nguyên đơn không thừa nhận cho bị đơn vay tiền và nhận tiền lãi theo 04 giấy mượn tiền bị đơn đã cung cấp vì cho rằng chứng cứ bị đơn cung cấp không có chữ ký của nguyên đơn.

Xét thấy, 04 giấy mượn tiền bị đơn cung cấp nội dung đều thể hiện có mượn tiền của nguyên đơn nhưng không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn trong các giấy mượn tiền này, các bảng kê chi tiết đóng tiền lãi hàng ngày kèm theo mỗi biên nhận cũng không thể hiện được nguyên đơn có nhận số tiền lãi của bị đơn. Hơn nữa, phía nguyên đơn cũng không thừa nhận cho bị đơn vay tiền và nhận tiền lãi theo 04 giấy mượn tiền bị đơn đã cung cấp nên lời trình bày của bị đơn Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 05-10-2021 thể hiện bị đơn mượn nguyên đơn số tiền 462.000.000 đồng, phần cuối của giấy biên nhận có thể hiện chữ ký và tên của nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa đại diện bị đơn cũng thừa nhận giấy biên nhận mượn tiền ngày 05-10-2021 ông Huỳnh Văn H1 có viết và ký tên. Xét nội dung giấy mượn tiền của các bên không thể hiện thời hạn mượn tiền và lãi suất nên hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 thể hiện *“ 1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*, do đó việc nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bản gốc giấy biên nhận mượn tiền ngày 05-10-2021 có chữ viết, chữ ký của bị đơn, đây là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền mượn theo giấy biên nhận này.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-02-2022, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 462.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01-02-2022 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cho rằng bị đơn cũng đang khó khăn do bị ảnh hưởng của dịch bệnh nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán, việc rút một phần đối với số tiền lãi của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 462.000.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tiểu D đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H1, bà Nguyễn Thị H về việc trả tiền nợ gốc.

Buộc ông Huỳnh Văn H1, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Đặng Tiểu D số tiền 462.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Văn H1, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí là 22.480.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm tám chục nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Đặng Tiểu D được nhận lại 11.933.000 đồng (Mười một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001707 ngày 03-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng